

Số: 60/CV-BVSN
V/v: Đính chính Công văn số
52/CV-BVSN ngày 20/1/2022
và gia hạn thời gian tiếp nhận
báo giá vật tư, hóa chất sử dụng
trong kỹ thuật IVF

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Kính gửi các nhà cung cấp trên thị trường.

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-BVSN ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật vật tư, hóa chất sử dụng trong kỹ thuật IVF.

Ngày 20/1/2022, Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Công văn số 52/CV-BVSN về việc đề nghị báo giá vật tư, hóa chất sử dụng trong kỹ thuật IVF. Tuy nhiên do sơ suất trong quá trình tổng hợp nên danh mục hàng hóa cần báo giá có sự sai lệch so với Quyết định số 62/QĐ-BVSN ngày 18 tháng 01 năm 2022.

Nay Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh đính chính lại danh mục và gia hạn thời gian tiếp nhận báo giá của các nhà cung cấp trên thị trường (chi tiết như phụ lục đính kèm). Bệnh viện đề nghị các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật báo giá cho Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Bắc Ninh với nội dung sau:

1. Danh mục vật tư, hóa chất sử dụng trong kỹ thuật IVF đề nghị báo giá: theo Phụ lục 01.
2. Biểu mẫu báo giá: theo Phụ lục 02.
3. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày 28 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 15 tháng 02 năm 2022.
4. Địa điểm nhận báo giá: Phòng Vật tư-TBYT, Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Bắc Ninh. Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Võ Cường, tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

5. Email: phongvt.bvsbn@gmail.com

Rất mong sự hợp tác của Quý Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Ban Giám đốc Bệnh viện;
- Lưu VT, VT-TBYT

GIÁM ĐỐC

Đào Khắc Hùng

Phụ lục 1

DANH MỤC ĐỀ NGHỊ LẤY BẢO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 60/CV-BVSN ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bệnh viện Sản
– Nhi tỉnh Bắc Ninh)

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
1.	Bao cao su bọc đầu dò siêu âm	Là loại bao cao su bọc đầu dò siêu âm, không chứa chất diệt tinh trùng, đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần, đóng gói riêng từng chiếc. Đường kính 2,8 cm, chiều dài: 30 cm.	6	Cái	140
2.	Bóp bóng màu xanh	Sử dụng cho kim tách bào tương trứng. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Đóng gói ≥ 20 cái/ túi	6	Cái	140
3.	Kim tách bào tương trứng đường kính Φ 140 μ m	Là loại kim được dùng để tách trứng, loại phôi trong kỹ thuật hỗ trợ sinh sản. Được làm bằng thủy tinh carbonate. Đường kính trong 140 μ m ($\pm 5\%$). Được tiệt trùng, đóng gói riêng từng chiếc.	6	Cái	150
4.	Đĩa nuôi cấy 2 giếng	Là loại hộp nuôi cấy 2 giếng. Được làm bằng Polystyrene và được tiệt trùng. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq 80\%$ Blastocyst Đóng gói ≥ 500 cái/ hộp	6	Cái	500
5.	Đĩa nuôi cấy 60 mm	Là loại hộp nuôi cấy kích cỡ 60mm. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq 80\%$ Blastocyst Đóng gói ≥ 500 cái/ hộp	6	Cái	500
6.	Hộp nuôi cấy 100 mm	Là loại hộp nuôi cấy kích cỡ 100mm. Được làm bằng Polystyrene, có nắp và được tiệt trùng. Đáy dưới của hộp có hình dạng phẳng. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq 80\%$ Blastocyst Test thử nghiệm độc tố: LAL $\leq 0,03$ EU/ml. Đóng gói ≥ 250 cái/ hộp	6	Cái	1.000
7.	Hộp nuôi cấy 35 mm	Là loại hộp nuôi cấy kích cỡ 35mm. Được làm bằng Polystyrene. có nắp và được tiệt trùng. Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq 80\%$ Blastocyst Test thử nghiệm độc tố: LAL ≤ 0.03 EU/ml Dung tích giọt: ≤ 20 - ≥ 50 μ l Dung tích: ≥ 8 ml. Đóng gói ≥ 500 cái/ hộp	6	Cái	1.000
8.	Hộp nuôi cấy 4 giếng	Là loại hộp nuôi cấy 4 giếng. Được làm bằng Polystyrene. có nắp và được tiệt trùng.	6	Cái	1.200

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
	chuyên dụng cho IVF	Test thử nghiệm trên phôi chuột: MEA \geq 80% Blastocyst Đóng gói \geq 120 cái/ hộp			
9.	Bộ lọc khí CO2 đầu vào tủ ấm CO2	Là loại bộ lọc khí dùng cho tủ ấm CO2. Sử dụng để lọc bụi VOCs. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Đóng gói riêng biệt từng chiếc một. \geq 4 chiếc/ hộp	Nhóm 3	Cái	50
10.	Màng lọc Hepa cho hộp lọc khí VOCs trong tủ nuôi cấy phôi.	Sử dụng cho hộp lọc khí VOCs trong tủ nuôi cấy phôi. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương. Đóng gói: \geq 08 cái/ hộp.	Không áp dụng	Cái	3
11.	Dung dịch khử khuẩn. nấm dùng cho tủ ấm CO2 trong phòng IVF	Dùng để khử trùng bề mặt các thiết bị. tương thích các chất liệu: thủy tinh. nhựa. acrylic. kim loại. bề mặt hi-Mac. Đã được thử nghiệm MEA. Chống ăn mòn. không độc. không cặn. không mùi. không VOC. Không pha loãng nước. Hiệu quả phòng chống lại các loại virus. bệnh viêm gan B và C. HIV. Herpes simplex. cúm A. Ebola	6	Lít	61
12.	Dung dịch khử khuẩn. nấm dùng để lau sàn cho phòng IVF	Tương thích với thủy tinh. nhựa. gạch. cao su. bề mặt phòng thí nghiệm và sàn. Không chứa cặn. Pha loãng với nước theo tỷ lệ hướng dẫn của nhà sản xuất. Mức độ VOC rất thấp Hiệu quả phòng chống lại các loại virus. bệnh viêm gan B và C. HIV. Herpes simplex. cúm A. Ebola.	6	Lít	26
13.	Dung dịch khử khuẩn. nấm. bảo vệ da cho phòng IVF	Không gây ra VOC. giữ mềm da. Đã được thử nghiệm MEA và HSSA. Không cặn. không mùi. Hiệu quả chống lại virus HIV. viêm gan B. viêm gan C. cúm A. Ebola. Herpes.	6	ml	12.000
14.	Lọ đựng mẫu tinh trùng (80ml)	Làm bằng nhựa y tế cấp USP VI: Polypropylene. thể tích \geq 80ml. Có kết quả kiểm tra từng lô: Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA \geq 80% Blastocyst. Không gây độc. nội độc tố. Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI \geq 0.75%). Đã tiệt trùng. đóng gói chân không. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485.	6	Cái	140

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
		Đóng gói ≥ 70 cái/ hộp			
15.	Ống nghiệm đáy nhọn 15ml	Làm bằng nhựa y tế cấp USP VI: Polypropylene. thể tích ≥ 15 ml. Có kết quả kiểm tra từng lô: Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq 80\%$ Blastocyst. Không gây độc. nội độc tố. Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI $\geq 0.75\%$). Đã tiệt trùng, đóng gói chân không. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485. Đóng gói ≥ 300 cái/ hộp	6	Cái	900
16.	Ống nghiệm đáy tròn 14ml	Làm bằng nhựa y tế cấp USP VI: Polypropylene. thể tích ≥ 14 ml. Có kết quả kiểm tra từng lô: Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq 80\%$ Blastocyst. Không gây độc. nội độc tố. Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI $\geq 0.75\%$). Đã tiệt trùng, đóng gói chân không. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485. Đóng gói ≥ 500 cái/ hộp	6	Cái	1.500
17.	Ống nghiệm tiệt trùng 5ml đáy tròn	Làm bằng nhựa y tế cấp USP VI: Polypropylene. thể tích ≥ 5 ml. Có kết quả kiểm tra từng lô: Thử nghiệm trên phôi chuột: MEA $\geq 80\%$ Blastocyst. Không gây độc. nội độc tố. Khả năng sống sót và di chuyển của tinh trùng người (SMI $\geq 0.75\%$). Đã tiệt trùng, đóng gói chân không. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485. Đóng gói ≥ 500 cái/ hộp	6	Cái	500
18.	Giữ kim ICSI	Dùng để giữ noãn bào và phôi bào. Giữ kim được làm từ thủy tinh borosilicate (đường kính ngoài ≤ 1 mm; đường kính trong ≥ 0.75 mm). Tổng chiều dài là ≥ 5.5 mm. lỗ đánh bóng. Chiều dài của tay là 0.9mm. Góc uốn từ 20 - 40 độ. Giữ kim có các kích cỡ khác nhau. Giữ kim được thiết kế thẳng hoặc góc cong. Được đóng gói và tiệt trùng riêng từng chiếc. sử dụng một lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	6	Cái	140

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
19.	Kim ICSI	Kim được dùng để hút và tiêm tinh trùng trực tiếp vào tế bào trứng. Kim được làm từ thủy tinh borosilicate (đường kính ngoài ≤ 1 mm; đường kính trong ≥ 0.78 mm). Tổng chiều dài là ≥ 5.5 mm. Chiều dài của tay là ≥ 0.5 mm. nghiêng 35 độ với đường kính trong của của tip từ 4.5 – 5 μ m. Kim có hoặc không có mũi nhọn. có rãnh hoặc có góc uốn và vát 30 - 40 độ. Kim ICSI được đóng gói riêng từng chiếc và được tiệt trùng. sử dụng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	6	Cái	140
20.	Kim sinh thiết phôi	Kim sinh thiết được sử dụng để thực hiện sinh thiết phôi (phôi nang) hoặc tế bào trứng (thể cực) để chẩn đoán di truyền. Kim được điều chế từ ống thủy tinh borosilicat (đường kính ngoài ≤ 1 mm. đường kính trong ≥ 0.78 mm). Chiều dài của tay tròn 0.5mm. có lỗ mở cùn (A) hoặc vát 40 độ và được đánh bóng (B) với đường kính trong 10.15.20.30 và 35 μ m. Kim sinh thiết có thể được đặt theo eo hoặc có góc thay đổi. Kim được đóng gói riêng từng chiếc và được tiệt trùng. sử dụng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	6	Cái	40
21.	Môi trường chọc hút noãn	Môi trường dùng để rửa trong quá trình chọc hút noãn. Thành phần chính gồm: NaCl. KCl. KH ₂ PO ₄ . MgSO ₄ .7H ₂ O. NaHCO ₃ . CaCl ₂ .2H ₂ O. Dextrose-Anhydrous. Na-Lactate. Na-Pyruvate. EDTA. Na-Alanyl-Glutamine. H ₂ O. non-essential and essential amino acids. HEPES. Heparin. Độ pH (at 37°C. 6 % CO ₂): ≤ 7.20 - ≥ 7.50 Nồng độ (mOsm/kg): ≤ 270 - ≥ 290 Tiệt trùng. Endotoxins (EU/ml): < 0.25 MEA (Blastocysts after 96h in %) $\geq 80\%$ Nhà máy sản xuất tuân thủ tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng. Quy cách đóng gói: ≥ 50 ml/lọ	6	ml	2.750
22.	Môi trường dầu phủ	Môi trường phủ dầu để giảm bốc hơi. ổn định độ pH trong quá trình IVF. ICSI. Thành phần gồm: dầu khoáng nhẹ mật độ d = ≤ 0.83 - ≥ 0.86 g/ml. Độ nhớt (ở 30° C): < 30 cP	6	ml	4.800

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
		Tiệt trùng. Endotoxins (EU/ml): <0.25 MEA (Blastocysts after 96h): ≥80% Nhà máy sản xuất tuân thủ tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485. Hạn sử dụng: ≥18 tháng. Quy cách đóng gói: ≥100ml/ lọ			
23.	Môi trường ICSI	Môi trường dùng để làm chậm khả năng vận động của tinh trùng. Thành phần gồm: ≥10% dialysed Ph Eur grade polyvinylpyrrolidone solved in an aqueous solution containing physiologic salts. HEPES. lactate. pyruvate. glucose and human albumin solution. Độ pH (at 37°C. 6 % CO ₂): ≤7.20-≥7.60 Nồng độ (mOsm/kg): 280-320 Tiệt trùng. Endotoxins (EU/ml): < 1.00 Độ nhớt (ở 30° C): >170 cP MEA (Blastocysts after 96h in %): ≥80% Nhà máy sản xuất tuân thủ tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485. Hạn sử dụng: ≥6 tháng Quy cách đóng gói: ≥5x0.2ml/ Hộp	6	Lọ	60
24.	Môi trường nuôi cấy phôi	Môi trường dùng để nuôi cấy phôi. Thành phần gồm: NaCl. KCl. KH ₂ PO ₄ . MgSO ₄ x 7H ₂ O. NaHCO ₃ . CaCl ₂ x 2 H ₂ O. Dextrose-anhydrous. Na-Lactate (50% solution). Na-Pyruvate. EDTA. Na-Alanyl-Glutamine. water. nonessential and essential amino acids and ≥1% HSA. Gentamicin. Độ pH (at 37°C. 6 % CO ₂) : ≤7.20-≥7.45 Nồng độ (mOsm/kg): ≤270-≥290 Tiệt trùng. Endotoxins (EU/ml): <0.25 MEA (Blastocysts after 96h in %): ≥80% Nhà máy sản xuất tuân thủ tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485. Hạn sử dụng: ≥6 tháng. Đóng gói: ≥50ml/lọ	6	ml	2.400
25.	Môi trường tách noãn	Môi trường dùng để tách noãn. Thành phần gồm: ≥80 IU / ml hyaluronidase được dụng từ nguồn gốc bò được phân giải trong môi trường đệm HEPES. Độ pH (at 37°C. 6 % CO ₂): ≤7.20-≥7.60 Osmolality (mOsm/kg): ≤270-≥290 Tiệt trùng. Endotoxins (EU/ml): <1	6	ml	75

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
		MEA (Blastocysts after 96h in %): $\geq 80\%$ Nhà máy sản xuất tuân thủ tiêu chuẩn ISO 9001. ISO 13485. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng Đóng gói: $\geq 5\text{ml/}$ hộp			
26.	Môi trường đông tinh trùng	Để tối đa hóa sự sống sót của tinh trùng và duy trì tính toàn vẹn và chức năng của DNA sau khi bảo quản lạnh. Dung dịch không chứa lòng đỏ trứng. chỉ chứa các thành phần được xác định về mặt hóa học. bao gồm glycerol như một chất bảo vệ lạnh. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Quy cách đóng gói: $\geq 4 \times 10\text{ml/}$ hộp	6	ml	80
27.	Môi trường thang nồng độ	Độ pH = $\leq 7.20 - \geq 7.60$ Kit gồm 02 lọ (01 lọ dung dịch Sil-Select 90% và 01 lọ dung dịch Sil-Select 45%) x 50 ml. Albumin huyết thanh người < 0.25 Đóng gói: $\geq 2 \times 50\text{ ml/}$ Hộp	6	ml	3.000
28.	Môi trường rã đông phôi	Thành phần chính: HEPES. Ethylene Glycol. Dimethyl Sulfoxide. Trehalose. Hydroxypropyl Cellulose. Gentamicin. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng Đóng gói: $\geq 4 \times 4\text{ml/}$ Kit.	3	Kít	50
29.	Môi trường đông lạnh phôi	Thành phần chính: HEPES. Ethylene Glycol. Dimethyl Sulfoxide. Trehalose. Hydroxypropyl Cellulose. Gentamicin. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng Đóng gói: $\geq 4 \times 1.5\text{ml/}$ Kit.	3	Kít	80
30.	Dụng cụ chứa phôi	Dụng cụ chứa phôi là dụng cụ thủy tinh hóa có khả năng chịu nito lỏng. Có 5 màu khác nhau. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. Đóng gói 10 cái/gói.	3	Cái	300
31.	Đầu tip tiết trùng 0.1 μl - 20 μl	Là loại đầu tip được tiết trùng và đóng gói riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ $\leq 0.1 - \geq 20\ \mu\text{l}$. Chiều dài đầu tip: $\geq 40\text{ mm}$. Đóng gói: ≥ 100 cái/ hộp	Không áp dụng	Cái	2.000
32.	Đầu tip tiết trùng 2 μl - 200 μl	Là loại đầu tip được tiết trùng và đóng gói riêng từng chiếc. Dung tích hút mẫu: từ $\leq 2 - \geq 200\ \mu\text{l}$. Chiều dài đầu tip: $\geq 53\text{ mm}$. Đóng gói: ≥ 100 cái/ hộp	Không áp dụng	Cái	1.200

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
33.	Pipet hút mẫu 1 ml tiệt trùng đơn chiếc	Dung tích ≥ 1 ml. vô trùng. Không độc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và ISO 9001 Đóng gói: ≥ 800 cái/ hộp	Không áp dụng	Cái	1.600
34.	Pipet hút mẫu 10 ml tiệt trùng đơn chiếc	Dung tích ≥ 10 ml. vô trùng. Không độc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và ISO 9001. Đóng gói: ≥ 400 cái/ hộp	Không áp dụng	Cái	800
35.	Pipet hút mẫu 5 ml tiệt trùng đơn chiếc	Dung tích ≥ 10 ml. vô trùng. Không độc. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và ISO 9001. Đóng gói: ≥ 400 cái/ hộp	Không áp dụng	Cái	400
36.	Thảm dậm chân dính bụi	Sử dụng để dính bụi. Có thể bắt bụi và loại bỏ những vết bẩn của giày. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Không áp dụng	Cái	100
37.	Bơm chọc hút noãn 10ml	Chất liệu: Polypropylen (PP) Bơm tiêm được đóng gói vô trùng riêng từng chiếc. Thân bơm tiêm bằng chất liệu trong suốt. vạch chia thể tích rõ ràng. dễ quan sát Miếng đệm đôi giúp kín khí Thiết kế giúp ngón tay kẹp chắc chắn Dung tích: ≥ 10 ml. Đóng gói: 100 Cái/ Hộp	2	Cái	3.000
38.	Bơm tiêm 3 nắp 1 ml	Bơm tiêm làm bằng nhựa. trong suốt. kim đúc liền. đầu kim mặt vát ba chiều. Có khóa răng ở đầu và chuôi bơm tiêm. Vô trùng. không gây độc. không tác dụng phụ. Dung tích: ≥ 1 ml. Đóng gói: 100 Cái/ Hộp	6	Cái	300
39.	Catherter chuyển phối khó	Thiết kế kết nối luer ở đầu gần của ống dẫn hướng Có vòng trượt tại ống dẫn hướng giúp thiết lập độ sâu thâm nhập và hướng. Dùng được với những điều kiện giải phẫu khó. Trục ống thông bên trong được gia cố bằng kim loại Vô trùng. sử dụng một lần. Chiều dài: ≥ 190 mm. Đóng gói: 20 cái/ hộp.	Nhóm 3	Cái	140
40.	Găng tay vô khuẩn - không bột talc	Là loại găng tay không bột Được làm từ cao su tự nhiên. đã kiểm tra tạp chất sinh học và được tiệt trùng. Protein thấp làm giảm các phản ứng dị ứng	6	Đôi	1.000

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
		tiêm ẩn. Độ dày vùng ngón tay: ≥ 0.1 mm Độ dày vùng lòng bàn tay: ≥ 0.1 mm Độ giãn trước khi lão hoá: $\geq 750\%$ Độ giãn sau khi lão hoá: $\geq 560\%$ Chiều dài của găng tay: ≥ 280 mm. Chiều rộng của găng tay: 89 ± 5 mm; 83 ± 5 mm; 95 ± 5 mm Cường độ kéo trước khi lão hóa: ≥ 24 Mpa. Cường độ kéo sau khi lão hóa: ≥ 18 Mpa. Phù hợp các tiêu chuẩn Phù hợp với Tiêu chuẩn ASTM D3577. EN455 và ISO 10282. Sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015; ISO 13485: 2016			
41.	Giá giữ phôi	Thanh nhựa dùng để chứa cộng đồng phôi Kích thước: Chiều dài ≥ 14 cm; ≥ 28 cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Không áp dụng	Cái	150
42.	Kim chọc hút trứng dài 30 cm	Đầu kim ≥ 17 gauge. chiều dài ≤ 320 - ≥ 350 mm. cắt vát phía sau. Đã được kiểm tra MEA cho mỗi số lô. Sử dụng một lần đóng gói đơn chiếc. Đã khử trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Nhóm 6	Cái	140
43.	Bình Nito lỏng	Nhiệt độ hóa hơi tại -196 độ C. Không màu. không mùi. không độc hại. là khí trơ trong điều kiện bình thường. Độ tinh khiết N2: $\geq 99.99\%$. Đựng trong vỏ bình đã được kiểm định và trong thời gian lưu hành. Đóng gói: ≥ 30 lít/ Bình Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485	Không áp dụng	Bình	112
44.	Bình CO2 tinh khiết	Là loại khí CO2 tinh khiết. Độ tinh khiết CO2: $\geq 99.9\%$. Dung tích bình: ≥ 40 lít. Đựng trong vỏ bình đã được kiểm định và trong thời gian lưu hành. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485	Không áp dụng	Bình	26
45.	Bình Nito ≥ 40 lít tinh khiết	Dung tích bình: khoảng ≥ 40 lít. Là loại khí N2 tinh khiết. Độ tinh khiết N2: $\geq 99.99\%$. Đựng trong vỏ bình đã được kiểm định và trong thời gian lưu hành. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485	Không áp dụng	Bình	124
46.	Màng lọc sơ cấp 450 x 450 mm cho hệ thống khí sạch	Sử dụng cho hệ thống khí sạch. Là loại màng lọc sơ cấp. Kích thước: 450 x 450 mm ($\pm 10\%$)	Không áp dụng	Cái	94

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
47.	Màng lọc sơ cấp 300 x 300 mm cho hệ thống khí sạch	Sử dụng cho hệ thống khí sạch. Là loại màng lọc sơ cấp. Kích thước: 300 x 300 mm ($\pm 10\%$)	Không áp dụng	Cái	16
48.	Màng lọc Hepa 610 x 610 mm cho hệ thống khí sạch	Sử dụng cho hệ thống khí sạch. Là loại màng lọc Hepa. Hiệu suất lọc $\geq 99.99\%$ đối với hạt bụi đường kính $0.3 \mu\text{m}$. Kích thước: 610 x 610 mm ($\pm 10\%$)	Không áp dụng	Cái	10
49.	Màng lọc Hepa 610 x 1200 mm cho hệ thống khí sạch	Sử dụng cho hệ thống khí sạch. Là loại màng lọc Hepa. Hiệu suất lọc $\geq 99.99\%$ đối với hạt bụi đường kính $0.3 \mu\text{m}$. Kích thước: 610 x 1200 mm ($\pm 10\%$)	Không áp dụng	Cái	4
50.	Bộ lọc túi cho AHU	Là loại bộ lọc túi. Có thể dùng làm lọc tiền xử lý cho lọc Hepa. Xử lý được lưu lượng khí lớn với vùng lọc lớn. Vật liệu là sợi tổng hợp, khung nhôm/ tôn mạ kẽm. Độ ẩm tối đa 100% RH; nhiệt độ tối đa ≥ 90 độ C	Không áp dụng	Cái	4
51.	Bộ lọc Hepa cho AHU	Là loại màng lọc Hepa. Hiệu suất lọc $\geq 99.99\%$ đối với hạt bụi đường kính $0.3 \mu\text{m}$. Đóng gói 01 cái/ hộp. Hạn sử dụng: 12 tháng/ lần	Không áp dụng	Cái	2
52.	Bộ lọc tinh cho Bồn rửa tay vô khuẩn	Dùng cho Bồn rửa tay vô khuẩn. Cấu tạo bằng các lớp sợi. Bộ lọc có hình trụ tròn. Chiều dài 250 mm. Có khả năng lọc sạch vi khuẩn có kích thước $\leq 5 \mu\text{m}$. Đóng gói 01 chiếc/ hộp. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Không áp dụng	Cái	18
53.	Bóng đèn cực tím dùng cho Bồn rửa tay vô trùng	Dùng để diệt khuẩn nước cho Bồn rửa tay vô khuẩn. Có dạng bóng hình ống. Chiều dài 340 mm, tuổi thọ 1500 giờ. Bên ngoài có lớp vỏ nhựa. Có khả năng chống nước. Bóng phát ra bước sóng cực tím. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc tương đương.	Không áp dụng	Cái	8

Stt	Mô tả hàng hóa	Thông số kỹ thuật đặc trưng	Phân nhóm	Đvt	Số lượng
54.	Cuộn giấy chống thấm cho Bàn chọc noãn. chuyên phôi	Gồm 2 mặt. Mặt trên có khả năng thấm hút tốt. Mặt dưới có tráng một lớp ni lông để chống thấm. Có dạng cuộn. Chiều rộng: 380 mm. Chiều dài: 70 m. Được chia thành các tấm với kích thước 400 x 380 mm. Giữa các tấm có răng cưa giúp dễ dàng xé rách. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương.	Không áp dụng	cuộn	50
55.	Môi trường nuôi cấy phôi liên tục	Thành phần chứa: Muối & ions: Sodium Chloride. Potassium Chloride. Potassium Phosphate. Calcium Chloride. Magnesium Sulfate. Sodium Citrate Chất nền năng lượng: Lactate. Pyruvate. Glucose Kháng sinh: Gentamicin Sulfate Đệm: Sodium Bicarbonate Chất khác: EDTA. Hydrochloric Acid 19 loại amino acids. Protein: Human Serum Albumin (HSA). và nước WFI Quality Mỗi lô được kiểm tra MEA $\geq 80\%$ phôi nang phát triển trong 96 giờ. Tỷ lệ sống sót của tinh trùng người (HSSA) $\geq 70\%$ độ di động ban đầu sau 24 giờ; Nội độc tố (LAL) < 0.25 EU/ml.	3	ml	2.880
56.	Nước tinh khiết hóa học	Độ dẫn 25 o C $\leq 1\mu\text{S/cm}$ Nhôm $\leq 10\text{ppb}$ Canxi $\leq 100\text{ppb}$ Sắt $\leq 5\text{ppb}$ K $\leq 10\text{ppb}$	Không áp dụng	Lít	300
Cộng khoản					56 khoản

Phụ lục 2
BIỂU MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 60/CV-BVSN ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bệnh viện Sản – Nhi tỉnh Bắc Ninh)

CÔNG TY:

Số giấy đăng ký kinh doanh:

Địa chỉ:

Điện thoại:

; Email:

Người liên hệ:....., điện thoại:.....email:.....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh

Công ty chúng tôi xin trân trọng gửi tới Quý Bệnh viện bảng báo giá hàng hóa như sau

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật đặc trưng	Hãng/Nước sản xuất	Phân nhóm theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT	Số công bố/số đăng ký/số lưu hành/GPNK	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1											
2											
...											
Tổng cộng											

